

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 234/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 15 – 9 – 2022

“V/v Tranh chấp của nam, nữ
chung sống với nhau như vợ chồng
mà không đăng ký kết hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thúy Dung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hoàng Dân.
2. Bà Cao Hồng Cẩm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Bích Như, là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 15 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 489/2022/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2022 về việc "Tranh chấp của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 278/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự.

Nguyên đơn: Chị Võ Thị Ngọc G, Sinh năm: 1988 (Có mặt).

Nơi cư trú: Số 34, Ngõ Q, ấp Trà Q, thị trấn Châu T, huyện Châu T, tỉnh Sóc Trăng.

Bị đơn: Anh Hà An T, Sinh năm: 1991 (Có mặt).

Địa chỉ: Đường N3, Khu đô thị Tài L, ấp Bà Đ, xã Lý Văn L, thành phố CM, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị Võ Thị Ngọc G trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh Hà An T chung sống với nhau vào tháng 10 năm 2018, đến tháng 01 năm 2021 có tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán tại địa phương nhưng không đăng ký kết hôn theo luật định. Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc đến tháng 5 năm 2022 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn,

nguyên nhân mâu thuẫn theo chị G là do gia đình anh T cư xử quá khó khăn đối với chị, anh T chẳng những không bên vực chị mà còn cùng gia đình xúc phạm, đánh đập dẫn đến vợ chồng ngày càng bất hòa, cự cãi thường xuyên. Mâu thuẫn giữa vợ chồng cha mẹ hai bên có tổ chức hòa giải, hàn gắn nhưng không thành. Anh chị đã ly thân từ tháng 8 năm 2022 cho đến nay. Chị G xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu Tòa án cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Anh, chị có một người con chung tên Hà Võ Bảo M, sinh ngày 29/7/2021, hiện con đang sống với chị G. Khi ly hôn chị G yêu cầu được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị G xác định có nhưng anh, chị tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị G khai vợ chồng không nợ ai và không ai nợ lại anh, chị nên không đề cập giải quyết.

Tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, được bổ sung tại phiên tòa anh Hà An T trình bày:

Về thời gian chung sống, không đăng ký kết hôn, đúng như chị G trình bày. Quá trình chung sống, theo anh vợ chồng không có mâu thuẫn mà mâu thuẫn chỉ xảy ra giữa mẹ anh và chị G trong lối sống, sinh hoạt hàng ngày dẫn đến bất hòa trong gia đình, mẹ anh muốn tốt cho vợ chồng nên có khuyên can, nhắc nhở chị G nhưng chị G không nghe dẫn đến cự cãi nhau, đánh nhau. Bản thân anh là người đứng giữa khuyên can hai bên nhưng khi anh vắng nhà thì lại xảy ra cự cãi ngày càng nhiều mới dẫn đến vợ chồng anh cự cãi nhau luôn. Mâu thuẫn giữa vợ chồng cha mẹ hai bên tổ chức hòa giải, hàn gắn nhưng không thành. Anh chị ly thân từ tháng 8/2022 đến nay. Từ ngày ly thân anh có nhiều lần gọi điện thoại hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng vợ không nghe máy. Nay chị G yêu cầu ly hôn, anh không đồng ý vì anh còn thương vợ, thương con, anh sẽ cùng chị G ra ngoài sống để cho con có đủ cha, đủ mẹ gia đình không tan vỡ.

Về con chung: Anh, chị có một người con chung tên Hà Võ Bảo Minh, sinh ngày 29/7/2021, hiện con đang sống với chị G. Khi ly hôn anh yêu cầu được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu chị G cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh T xác định có nhưng anh, chị tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh T khai vợ chồng không nợ ai và không ai nợ lại anh, chị nên không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Xét đơn yêu cầu của chị Võ Thị Ngọc G về việc xin ly hôn với anh Hà An T thuộc lĩnh vực hôn nhân và gia đình được quy định tại Điều 14, 53 của Luật hôn nhân và gia đình; anh T là bị đơn có nơi cư trú tại đường N3, Khu đô thị Tài Lộc, ấp Bà Điều, xã Lý Văn Lâm, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau nên vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau theo quy định tại Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Về hôn nhân: Chị Võ Thị Ngọc G và anh Hà An T tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng, có tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán ở địa phương. Có đủ điều kiện kết hôn nhưng anh, chị không có đăng ký kết hôn theo quy định. Do đó, quan hệ hôn nhân của anh, chị đã vi phạm về đăng ký kết hôn được quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình, cho nên hôn nhân giữa anh, chị không thỏa mãn về mặt hình thức. Nay chị G yêu cầu chấm dứt quan hệ hôn nhân do có nhiều mâu thuẫn dẫn đến cãi vã thường xuyên, đánh nhau, không tin tưởng lẫn nhau, mục đích hôn nhân không đạt. Anh, chị đã ly thân từ tháng 8/2022 đến nay mà không bên nào có biện pháp gì để khắc phục tình trạng mâu thuẫn. Bên cạnh đó, chị G cương quyết xin ly hôn, trường hợp Tòa án không cho chị ly hôn chị cũng không trở về chung sống với anh T vì tình cảm vợ, chồng không còn.

Xét mâu thuẫn thực tế của chị G và anh T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Đồng thời, hôn nhân có vi phạm về mặt hình thức nên anh, chị không được công nhận là vợ, chồng.

[3] Về con chung: Anh T, chị G xác định có một người con chung tên Hà Võ Bảo Minh, sinh ngày 29/7/2021, hiện con đang sống với chị G. Khi ly hôn chị G, anh T yêu cầu được trực tiếp nuôi con, không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy việc nuôi dạy con là quyền và nghĩa vụ của chị G, anh T. Giao con cho chị G hoặc anh T trực tiếp nuôi dạy cần căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con nhưng không phải giao con cho chị G nuôi thì người không trực tiếp nuôi con bị tước đi các quyền chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con cái. Mặc dù, chị G, anh T khai anh, chị đều có đủ điều kiện chăm sóc, nuôi dạy con cái nhưng việc anh, chị ly hôn đã phần nào ảnh hưởng đến cuộc sống bình thường của con nên cần phải hạn chế đến mức thấp nhất việc ảnh hưởng đời sống và bảo đảm được việc học hành, sự phát triển tốt về thể chất, tinh thần của con. Hội đồng xét xử thấy rằng hiện con còn bé, mới được 13 tháng tuổi mà theo quy định tại khoản 3, Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình “Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi ...”. Để tránh sự xáo trộn tâm lý, cuộc sống của con nên tiếp tục giao con cho chị G trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp.

Đối với nghĩa vụ cấp dưỡng: Chị G không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Anh T không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung: Anh T và chị G xác định có nhưng anh chị tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về nợ chung: Anh T và chị G khai anh, chị không nợ ai và không ai nợ lại anh, chị nên không đề cập giải quyết.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 9, Điều 14, Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 12, Điều 25 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận chị Võ Thị Ngọc G và anh Hà An T là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao cháu Hà Võ Bảo Minh, sinh ngày 29/7/2021, hiện con đang sống với chị G, cho chị G trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Đối với nghĩa vụ cấp dưỡng: Chị G không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Anh T không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Chị G và anh T xác định có nhưng anh chị tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Chị G và anh T khai anh, chị không nợ ai và không ai nợ lại anh, chị nên không đề cập giải quyết.

5. Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Chị G phải chịu 300.000 đồng. Ngày 22 tháng 8 năm 2022, chị G đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai số 0001927 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau được chuyển thu sung quỹ nhà nước.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND Tp Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀN
(Đã ký)**

Lê Thúy Dung